

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHAI THÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ VÀ DỖ BỎ RÀO CẢN NHẪM PHÁT TRIỂN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

ThS. NGUYỄN HỒNG TÂY*

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (VKTTĐMT) với vị trí địa lý chiến lược đặc biệt quan trọng, được đánh giá là vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế lớn để phát triển thành vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho miền Trung và Tây Nguyên. Bài báo này phân tích tiềm năng, lợi thế của VKTTĐMT và nhận diện một số rào cản làm ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế và dỡ bỏ rào cản, thúc đẩy phát triển một cách nhanh chóng và bền vững cho toàn vùng.

VKTTĐMT được thành lập theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 của Thủ tướng chính phủ. VKTTĐMT có 5 đơn vị hành chính gồm: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định; có diện tích 27.884 km², chiếm 8,4% diện tích toàn VN; dân số hơn 6,5 triệu người (năm 2008), chiếm 7% dân số VN; chuỗi 7 đô thị lớn là Huế, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Vạn Tường, Quảng Ngãi và Quy Nhơn; 4 khu kinh tế (KKT) đang phát triển nằm trải dài dọc trên 609 km bờ biển là KKT Chân Mây, KKT mở Chu Lai, KKT Dung Quất và KKT Nhơn Hội, cùng với hệ thống chuỗi khu công nghiệp, khu chế xuất, khai thác lợi thế gần cảng; hệ thống kho bãi quốc gia và quốc tế sẽ gắn với hệ thống cảng tổng hợp quốc tế và các đầu mối giao thông liên vùng, xuyên quốc gia... Đây là vùng kinh tế có vị trí rất quan trọng cả về an ninh quốc phòng, không chỉ đối với định hướng phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của khu vực miền Trung - Tây Nguyên mà còn có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH của cả nước, với ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển gắn với công nghiệp và dịch vụ. Vùng sẽ có tiểu vùng động lực chính, là không gian phát triển kinh tế biển và ven biển, hình thành tuyến hành lang kinh tế thương mại tự do quốc tế dọc

theo vùng duyên hải, dựa trên trục quốc lộ 1A, tuyến đường sắt quốc gia và hệ thống cảng biển. Chiến lược phát triển đến năm 2025, VKTTĐMT sẽ trở thành vùng động lực thúc đẩy phát triển KT-XH cho miền Trung và Tây Nguyên, là đầu mối trung chuyển và trung tâm giao thương, chế biến của vùng Mê Kông lớn và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

1. Tiềm năng và lợi thế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

VKTTĐMT nằm trên trục giao thông Bắc-Nam có các tuyến quốc lộ nối các cảng biển của vùng đến Tây Nguyên và với Lào, Đông Bắc Campuchia, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar theo Hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC), Tiểu vùng Mê Kông (GMS); nằm ở trung độ của đất nước, có 4 cảng hàng không với 2 cảng hàng không quốc tế là Phú Bài và Đà Nẵng; ưu thế về phát triển kinh tế biển và dịch vụ cảng, trung chuyển quốc tế, thủy sản... nhờ hệ thống cảng biển gồm Chân Mây, Liên Chiểu, Tiên Sa, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn. Hầu hết cảng biển này đều là cảng nước sâu, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn, nằm không xa hải phận quốc tế... tạo cho VKTTĐMT dễ trở thành đầu mối giao lưu kinh tế quốc tế quan trọng với các nước trong khu vực và thế giới.

- Các khu kinh tế lớn ven biển đã hình thành tạo ra những động lực phát triển mới thúc đẩy phát triển công nghiệp phụ trợ, đó là 4 KKT lớn là KKT Chân Mây - Lăng Cô (Huế), KKT mở Chu Lai (Quảng Nam), KKT Dung Quất (Quảng Ngãi) và KKT Nhơn Hội (Bình Định); cùng với hệ thống chuỗi 24 khu công nghiệp, khu chế xuất, khai thác lợi thế gần cảng; hệ thống kho bãi quốc gia và quốc tế sẽ gắn với hệ thống cảng tổng hợp quốc tế và các đầu mối giao thông liên vùng, xuyên quốc gia...

- Tiềm năng phát triển du lịch đa dạng, phong

* Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ Dung Quất

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

phú nhờ có nhiều di sản văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp: có tới 4 di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể); 1 khu dự trữ sinh quyển được UNESCO công nhận; có 609 km bờ biển với nhiều bãi biển, vịnh được xếp hạng quốc tế như: Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Non nước (Đà Nẵng), Mỹ Khê (Quảng Ngãi), Quy Nhơn... Các đảo Cù Lao Chàm, Lý Sơn... đang được nghiên cứu phát triển thành trung tâm du lịch hậu cần thủy sản.

- Vốn quý nhất và thế mạnh bức phá của miền Trung là những con người cần cù thông minh, có ý chí vượt khó để vươn lên, có ý thức kỉ luật, có niềm hăng say lao động và đam mê sáng tạo. Theo dự báo, đến năm 2025, dân số trong vùng là 8,15 triệu người, trong đó, hơn 6 triệu người trong độ tuổi lao động. Đây là tiềm năng và lợi thế lớn, nhưng cần có chính sách phát triển phù hợp mới phát huy thế mạnh, tạo cơ sở để chuyển sang kinh tế tri thức, sáng tạo, có giá trị gia tăng ngày càng cao.

Theo kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ từ Dự án nghiên cứu chiến lược phát triển liên kết TP.Đà Nẵng và các vùng phụ cận do cơ quan hợp tác quốc tế Nhật JICA thực hiện năm 2009, có thể tóm tắt tiềm năng thế mạnh từ các ưu thế năng lực cơ bản của các tỉnh/thành trong VKTTĐMT như sau:

“VKTTĐMT có vị trí rất quan trọng, không chỉ đối với định hướng phát triển KT-XH của khu vực

miền Trung - Tây Nguyên mà còn có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH của cả nước, nhờ có nguồn tài nguyên tương đối đa dạng, phong phú, có nhiều tiềm năng nổi trội về địa lý, tài nguyên và nhân lực; đã hình thành một hệ thống đô thị phân bố đều trên lãnh thổ và hệ thống các KKT, khu công nghiệp, khu du lịch và dịch vụ”. Tiến sĩ Nguyễn Bá Ân - Phó Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển.

“Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có trục kinh tế biển với hạ tầng phát triển, hiện đại, là trục xương sống công nghiệp của đất nước. Miền Trung sau khi hình thành trục kinh tế biển đã có những bước phát triển, sức đột phá chưa từng có. Khu vực này đang trên đường trở thành trục kinh tế biển hùng mạnh của cả nước” - Phát biểu của Tiến sĩ Trương Đình Hiến, Nghiên cứu viên cao cấp khẳng định tại Diễn đàn hợp tác “Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung- Vận hội mới cho sự thịnh vượng” tháng 3/2010 tại Quảng Ngãi.

2. Những rào cản ảnh hưởng đến sự phát triển của VKTTĐMT

Bên cạnh các tiềm năng và lợi thế nêu trên thì VKTTĐMT đang còn vướng phải một số rào cản vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan như sau:

- VKTTĐMT nằm trong vùng thường xuyên có thiên tai bão lụt. Hạ tầng nói chung còn chưa được

Bảng 1. Đánh giá theo 4 cấp độ về ưu thế, năng lực cơ bản của các tỉnh/thành trong Vùng

Ưu thế năng lực cơ bản các tỉnh/thành	Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định
1. Vai trò trung tâm	B	(A)	C	B	C
2. Ưu thế du lịch	(A)	A	(A)	A	A
3. Ưu thế công nghiệp	B	B	(A)	(A)	B
4. Ưu thế dịch vụ	A	(A)	C	A	B
5. Kinh tế môi trường	B	A	B	B	B
6. Phát triển nguồn nhân lực	A	A	A	B	B
7. Quản lý môi trường	A	A	B	(A)	(A)
8. Bảo tồn văn hóa	(A)	B	(A)	B	B
9. Phát triển đô thị	(A)	(A)	(A)	(A)	(A)
10. Phát triển nông thôn	(A)	B	(A)	(A)	(A)

Nguồn: Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật JICA thực hiện năm 2009

Ghi chú các mức độ: (A): ưu thế vượt trội; A: ưu thế; B: trung bình; C: yếu

phát triển.

- So với cả nước, VKTTĐMT là vùng nghèo, GDP tính bình quân đầu người chỉ đạt 68,4% so với bình quân cả nước. Ngoài Đà Nẵng đã cân đối được ngân sách, 4 tỉnh còn lại vẫn nhận trợ cấp từ Trung ương (riêng Quảng Ngãi nhờ sự phát triển nhanh chóng của KKT Dung Quất nên sẽ có khả năng cân đối được ngân sách trong một vài năm nữa). Môi trường thu hút đầu tư thấp, các dự án đầu tư có vốn nước ngoài FDI chỉ chiếm 4,9% so với cả nước [1]. Nếu tình trạng này kéo dài, rõ ràng mục tiêu phát triển VKTTĐMT là hạt nhân tăng trưởng làm động lực phát triển KT-XH cho miền Trung và Tây Nguyên là rất khó thực hiện được.

- Các địa phương trong Vùng đều có điều kiện phát triển như nhau và cơ cấu kinh tế giống nhau (trừ Đà Nẵng có cơ cấu công nghiệp/dịch vụ chiếm tỷ lệ cao), cũng đều có cảng biển, đều có sân bay (Quảng Nam và Quảng Ngãi có sân bay Chu Lai), do vậy, nếu mỗi địa phương tự hoạch định chính sách phát triển thì áp lực cạnh tranh giữa các tỉnh trong thu hút đầu tư và mục tiêu tăng trưởng. Những rào cản, tâm lý kinh tế khép kín, tư duy vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ chưa xứng tầm, như kiểu “mỗi tỉnh một nhà máy đường, một trường đại học” vẫn luôn tồn tại lâu nay.

- So với Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam, VKTTĐMT gặp rất nhiều khó khăn về nguồn nhân lực (NNL) có chất lượng. NNL trong những năm qua có sự phát triển vượt bậc, nhưng so với nhu cầu phát triển nhanh và bền vững thì lại đang trong tình trạng vừa thừa lao động phổ thông nhưng lại thiếu lao động được đào tạo theo tiêu chuẩn công nghiệp. Hiện tại trong Vùng có quá ít viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, hệ thống đào tạo chưa đủ mạnh. Khi các dự án lớn được triển khai thì tình trạng thiếu hụt nhân lực khá trầm trọng, nhất là nhân lực trình độ công nhân kỹ thuật, cả về số lượng, cơ cấu ngành nghề và chất lượng lao động. Tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”, doanh nghiệp “khát” công nhân có tay nghề đang diễn ra ở hầu hết các khu công nghiệp, KKT, khu chế xuất và điều này đã gây bất lợi đến hoạt động sản xuất/dịch vụ của doanh nghiệp. Có thể chỉ ra một thí dụ như: Tổ hợp nhà thầu kỹ thuật Technip (Pháp) khi bắt tay vào lắp đặt trang thiết bị cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất thì nhận ra rằng, tìm người thợ hàn kỹ thuật cao tại chỗ đủ khả năng hàn cao áp là rất khó khăn và

không dễ gì đáp ứng được. Một mặt họ huy động thợ hàn từ Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ... sang làm công nhân để đảm bảo tiến độ, mặt khác họ hỗ trợ đầu tư để tỉnh Quảng Ngãi xây dựng Trung tâm đào tạo thợ hàn kỹ thuật cao Dung Quất để đào tạo thợ hàn cho công trình.

- Tỷ lệ ngành tài chính tín dụng, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ còn rất thấp. Tỷ trọng xuất nhập khẩu thấp, hoạt động trung chuyển, giao thương mới chỉ là tiềm năng. Điều này cho thấy vai trò đô thị trung tâm Vùng có xu hướng phân tán, chưa được phát huy chức năng hạt nhân tăng trưởng của Vùng. Các hoạt động tài chính ngân hàng của các tỉnh thành thường hướng về TP.HCM.

- Tâm lý cục bộ địa phương là rào cản lớn đối với việc hợp tác để cùng nhau phát triển, do vậy cần phải giảm thiểu và loại bỏ. Cho đến nay các tỉnh trong Vùng vẫn còn hoạt động độc lập, chưa có sự hợp tác, liên kết và bổ sung cho nhau, dù vấn đề này được nhìn nhận là cực kỳ quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển của Vùng. Giáo dục đào tạo là lĩnh vực dễ hợp tác, thực tế là tỉnh thành nào cũng có hơn 2 trường đại học và rất nhiều cơ sở đào tạo khác nhưng chưa có sự hợp tác phát triển thường xuyên, bền vững. Các trường đại học, viện nghiên cứu đã tổ chức nhiều hội thảo, diễn đàn chuyên đề, xúc tiến đầu tư, hợp tác phát triển nhằm tìm ra những giải pháp phát triển Vùng. Tổng kết cho thấy hầu hết các giải pháp tại các hội nghị, diễn đàn này vẫn chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức, chưa có những chương trình hành động cụ thể để khơi thông lợi thế của Vùng. Chẳng hạn, giải pháp xây dựng Trung tâm thông tin dự báo NNL được đặt ra tại Hội nghị “Phát triển NNL qua đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong VKTTĐMT” vào ngày 12/12/2008 do Văn phòng Ban chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm phối hợp với Tổ điều phối Đà Nẵng và Tổng cục dạy nghề tổ chức, được coi là một trong những giải pháp quan trọng bậc nhất nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

3. Giải pháp khai thác tiềm năng, phát huy lợi thế và dỡ bỏ rào cản đối với VKTTĐMT

Từ một số đánh giá cũng như nhận diện vấn đề thực tiễn tại địa phương, chúng tôi đưa ra một số giải pháp để tác động đến sự phát triển của VKTTĐMT:

3.1 Giải pháp về chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp/dịch vụ trong Vùng

Một nền kinh tế muốn phát triển cần có các nguồn lực: vốn, khoa học công nghệ, tài nguyên và NNL; muốn tăng trưởng nhanh và bền vững cần dựa vào ba yếu tố cơ bản là áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng NNL. Kinh nghiệm cho thấy, phát triển NNL là chìa khóa tạo ra các nỗ lực để giải quyết các vấn đề khó khăn như hiệu quả, công bằng, ổn định và tăng trưởng. Ý thức được vai trò quyết định của NNL so với các nguồn lực khác trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã khẳng định: “Nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp”. Đối với VKT-TĐMT, lao động nông nghiệp đang chiếm một tỷ lệ rất lớn, bước vào quá trình CNH-HĐH, hàng triệu nông dân đang cần được đào tạo để chuyển đổi ngành nghề, nhất là bộ phận người dân bị mất đất sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các KCN, KKT. Đây là một áp lực lớn đối với giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp sau đây trong chiến lược phát triển NNL nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp/dịch vụ trong Vùng:

- Dự báo, xác định nhu cầu NNL: Nhu cầu NNL trong Vùng cần được khảo sát, đánh giá cả về chất lượng, về số lượng và cơ cấu ngành nghề, đặc biệt quan tâm đến tình trạng thiếu hụt nhân lực có kỹ năng và tay nghề như hiện nay. Nhu cầu này cần được đánh giá trong hiện tại, đồng thời cũng cần có dự báo trong tương lai gần (5-7 năm) để thực hiện chính sách đào tạo đón đầu các ngành nghề cần thiết trong tương lai gần. Từ đó tìm ra các yêu cầu đặc trưng của NNL có tác động trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả sản xuất/dịch vụ cũng như các yếu tố tác động đến sự phát triển KT-XH về mặt nhân lực.

- Quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo (CSDT): Quy hoạch phát triển mạng lưới CSDT nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và cung ứng lao động đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề đáp ứng yêu cầu của xã hội. Để thực hiện tốt yêu cầu này, mạng lưới các CSDT cần được quy hoạch theo các nguyên tắc sau đây: phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của địa phương; phù hợp với năng lực đầu tư của nhà nước

và khả năng huy động nguồn lực của toàn xã hội; tạo điều kiện để mọi người đều có cơ hội tham gia xây dựng CSDT; đáp ứng được nhu cầu NNL của doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là một bộ phận lớn người dân cần chuyển đổi nghề nghiệp do bị mất đất sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất.

- Các trường đại học lớn như Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế thực hiện vai trò trung tâm “hiệu ứng lan tỏa” để làm hoa tiêu hướng dẫn việc cải cách và kết nối các cơ sở đào tạo khác thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp. Các CSDT trong Vùng cần thực hiện chuyên môn hóa, phân công, phối hợp, bổ sung và hỗ trợ cho nhau (giảng viên, chương trình giáo trình, nghiên cứu khoa học công nghệ). Và quan trọng nhất là tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và nhà doanh nghiệp trong thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo, trong đánh giá chất lượng đào tạo và sử dụng lao động, nhằm chuyển thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Hình thành mạng lưới các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ trong Vùng, tập trung nghiên cứu những vấn đề trọng điểm của phát triển kinh tế xã hội của Vùng (chiến lược phát triển, quy hoạch, thông tin thị trường lao động, ô nhiễm và bảo vệ môi trường, nguồn nước, năng lượng, nông-lâm-ngư nghiệp) .

- Chính sách và cơ chế đào tạo, sử dụng NNL: Hiện nay tâm lý người dân miền Trung vẫn mong muốn con em mình học đại học hoặc cao đẳng hơn là lựa chọn học nghề hoặc THCN nên tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”, người có bằng đại học đang làm công việc của người công nhân đang khá phổ biến ở các doanh nghiệp lớn; sự bất cập trong phân luồng dẫn đến tình trạng lãng phí quá lớn cả về thời gian, vật chất của người học... Vì vậy, Nhà nước và CSDT cần có chính sách và cơ chế nhằm định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, đào tạo liên thông, chuẩn giáo viên, kiểm định chất lượng đào tạo, tạo động lực cho người dạy và người học như chính sách tiền lương tiền thưởng, chính sách học bổng, học phí...

3.2 Giải pháp về chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

- Tiếp tục khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống giao thông liên hoàn trong toàn Vùng, từ đó quy hoạch lại cho phù hợp với tiến trình phát triển KT-XH.

- Có chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ

tăng, hướng tới việc đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật, xã hội đảm bảo nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững. Cụ thể, cần ưu tiên đầu tư để hoàn chỉnh các tuyến đường ven biển từ Đà Nẵng qua Hội An, KKT mở Chu Lai, KKT Dung Quất tới Sa Huỳnh; cải tạo nâng cấp cảng Tiên Sa, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn; đầu tư nâng cấp sân bay Chu Lai để đáp ứng nhu cầu giao thương trong khu vực, mở rộng và nâng cấp sân bay Đà Nẵng để tương xứng với sân bay quốc tế của miền Trung.

3.3 Giải pháp về sự liên kết giữa các địa phương trong vùng để hợp lực cho sự phát triển

Liên kết giữa 5 tỉnh thành trong VKTTĐMT sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các bên tham gia, thể hiện qua các mặt: tăng khả năng linh hoạt của mỗi bên trong việc phát huy tiềm năng thế mạnh của Vùng; tiết kiệm nguồn lực nhờ giảm được chi phí cạnh tranh; tăng sức mạnh cạnh tranh chung nhờ phối hợp sử dụng được những ưu thế riêng biệt của các bên; tăng quy mô hoạt động nhằm đạt đến quy mô hiệu quả nhờ có sự phân công, sắp xếp; giảm thiểu rủi ro nhờ chia sẻ trách nhiệm.

Để phát huy những lợi thế của Vùng nhằm tạo sự liên kết bền vững của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các tỉnh trong khu vực cần tăng cường và mở rộng liên kết trong đầu tư nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng liên tỉnh, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường và đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ; hình thành các trung tâm và chuỗi du lịch - dịch vụ với con đường di sản văn hóa thế giới; liên kết để tận dụng hành lang kinh tế Đông-Tây để khai thác tốt các dịch vụ vận tải dọc hành lang này. Quan trọng hơn cả là vấn đề liên kết này cần hành động một cách chuyên nghiệp và bền vững, chỉ có thế mới tạo được một thể mạnh thực sự cho cả Vùng.

- Cần thiết lập một cơ quan chuyên trách đảm nhận cơ chế đảm bảo hợp tác phát triển VKTTĐMT giữa 5 tỉnh thành, thực hiện điều phối phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng then chốt liên vùng, phục vụ cho việc khai thác tiềm năng thế mạnh của Vùng như cảng biển, sân bay, di sản văn hóa, di tích lịch sử, giao thông đường bộ, đường sắt, điện, viễn thông, xử lý chất thải, môi trường...

4. Kết luận

Để thực hiện chiến lược phát triển đến năm 2025 là trở thành vùng động lực thúc đẩy phát triển KT-XH cho miền Trung và Tây Nguyên, đầu mối trung chuyển và trung tâm giao thương, chế biến của vùng Mê Kông lớn và khu vực châu Á - Thái Bình Dương, VKTTĐMT cần phải tập trung nguồn nhân lực, vốn và công nghệ nhằm vượt qua những rào cản, khai thác tốt tiềm năng, phát huy thế mạnh, tận dụng tối đa lợi thế để phát triển nhanh và bền vững. Sự đồng thuận, quyết tâm cao và hành động thiết thực của cơ quan hữu quan từ chính quyền địa phương đến trung ương là chìa khóa của sự thành công trong toàn Vùng■

CHÚ THÍCH

[1] Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài - Bộ KHĐT năm 2007.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. KKT Dung Quất (10/2008), Kỷ yếu “Hội nghị NNL cho sự phát triển KKT Dung Quất trong thời kỳ hội nhập”.
2. Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Kế hoạch & Đầu tư và UBND tỉnh Quảng Ngãi (3/2010), Kỷ yếu “Diễn đàn Thương hiệu biển VN lần thứ II - Từ cảng nước sâu tới KKT biển”.
3. KKT Dung Quất (3/2010), Kỷ yếu “Diễn đàn Hợp tác Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung-Vận hội mới cho sự thịnh vượng”, Báo *Vietnam Economic News*.
4. Nguyễn Minh Đường (2002), *Nghiên cứu phát triển NNL với phương pháp tiếp cận hệ thống trong điều kiện mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Phạm Minh Hạc (2007), *Phát triển văn hoá con người và NNL thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Thủ tướng chính phủ (2008), *Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008*.
7. Nguyễn Lộc (5/2010), “Một số vấn đề lý luận về phát triển NNL”, tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 56.